

TTĐT

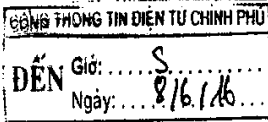
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1020/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung
thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ phạm vi trong địa giới hành chính của thị xã Kỳ Anh, với diện tích tự nhiên 28.025,03 ha, trong đó, bao gồm diện tích Khu kinh tế Vũng Áng là 22.781 ha và được giới hạn như sau:

- Phía Đông và phía Bắc giáp Vịnh Bắc bộ (Biển Đông);
- Phía Tây giáp huyện Kỳ Anh;
- Phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình.

2. Thời hạn lập quy hoạch:

Giai đoạn đợt đầu: Đến năm 2025; giai đoạn dài hạn: Đến năm 2035.

3. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quy hoạch đô thị cho toàn thị xã Kỳ Anh, trong đó bao gồm việc cập nhật các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng và rà soát, đề xuất các điều chỉnh, nếu cần thiết, đối với các khu chức năng khác thuộc phạm vi Khu kinh tế Vũng Áng,

để phát huy tiềm năng và lợi thế tổng thể của toàn thị xã, phát triển tốt những ngành kinh tế mũi nhọn, trong mối tương quan bền vững tổng thể và hài hòa của toàn nền kinh tế, môi trường và xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch.

4. Quan điểm lập quy hoạch:

- Ưu tiên cho mục tiêu phát triển công nghiệp và dịch vụ cảng biển, chú trọng phát triển hài hòa các ngành kinh tế khác để hỗ trợ cho phát triển công nghiệp, mặt khác đảm bảo đô thị phát triển, bền vững.

- Định hướng và phân bố không gian phát triển hợp lý, vừa khai thác tốt các tiềm năng và lợi thế, vừa đảm bảo cơ hội phát triển cho các khu vực khác nhau trong phạm vi lập quy hoạch.

- Bảo vệ và tôn tạo các giá trị cảnh quan thiên nhiên, tạo cấu trúc không gian đặc trưng cho đô thị và tạo bản sắc đô thị.

5. Tính chất:

- Là trung tâm kinh tế tổng hợp phía Nam của tỉnh Hà Tĩnh, trong đó, trọng tâm là Khu kinh tế Vũng Áng với các ngành kinh tế chủ đạo là công nghiệp và dịch vụ cảng biển, kết hợp hài hòa với các ngành kinh tế: Du lịch, dịch vụ, nông - lâm nghiệp;

- Là đô thị có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ.

6. Các chỉ tiêu cơ bản

a) Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn thị xã năm 2014 là 85.508 người; dân số nội thị là 54.208 người.

- Dân số dự báo đến năm 2035: Khoảng 210.000 người; dân số nội thị là khoảng 155.000 người.

b) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật được lựa chọn theo tiêu chuẩn đô thị loại II, đảm bảo phù hợp với các chủ trương, định hướng quy hoạch phát triển có liên quan và phù hợp với các điều kiện thực tế tại địa phương.

7. Các nội dung nghiên cứu quy hoạch:

a) Phân tích các điều kiện hiện trạng:

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên;

- Phân tích, đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội;

- Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng xây dựng;

- Phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường;
- Rà soát, khớp nối các đồ án quy hoạch, các dự án, chương trình đang triển khai trên địa bàn;
- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị;

b) Xác định mục tiêu, động lực phát triển; tính chất, quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị; các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật...

c) Đề xuất quy hoạch sử dụng đất, các cấu trúc tổ chức không gian và thiết kế đô thị, đảm bảo phát huy được giá trị và tiềm năng của đô thị, đặc biệt là phát huy tiềm năng của Khu kinh tế Vũng Áng. Chú trọng cải tạo và nâng cấp các khu dân cư hiện hữu cũng như tạo ra các không gian phát triển kinh tế mới.

d) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, bao gồm: Quy hoạch san nền và hệ thống thoát nước mưa; quy hoạch hệ thống giao thông và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác, như: Cấp nước, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, nghĩa trang, cấp điện, thông tin - liên lạc, đảm bảo các quy chuẩn chuyên ngành và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

đ) Định hướng phát triển các khu vực dân cư nông thôn.

e) Đánh giá môi trường chiến lược.

g) Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư.

h) Dự thảo quy định quản lý phát triển đô thị theo đồ án quy hoạch chung.

8. Thành phần hồ sơ quy hoạch:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý đô thị và các văn bản pháp quy hiện hành có liên quan.

9. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan quản lý quy hoạch và trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch; lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt đồ án Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035 theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công T.ĐT các Vụ: KTHH, V.III, KGVX;
- Lưu: VT, KTN (3b).KN 57

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng

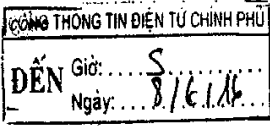
TTĐT (2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản (sau đây gọi tắt là đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); bảo tàng công lập, bảo tàng ngoài công lập; tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh (sau đây gọi tắt là di tích); tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia.

Điều 3. Các trường hợp đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài

Bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài trong các trường hợp sau:

1. Phục vụ hoạt động đối ngoại của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc hội (sau đây gọi tắt là hoạt động đối ngoại cấp nhà nước).

2. Thực hiện chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam có quy mô và ý nghĩa đặc biệt cấp quốc gia, Bộ, ngành, địa phương.

3. Thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc bảo quản bảo vật quốc gia.

Điều 4. Nguyên tắc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài

1. Phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 44 Luật Di sản văn hóa.

2. Phải được xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không bị hư hại đối với bảo vật quốc gia trong quá trình vận chuyển ra nước ngoài, lưu giữ tạm thời tại nước ngoài và đưa trở lại Việt Nam.

3. Phải được xác định giá trị bằng tiền của bảo vật quốc gia làm cơ sở cho việc mua bảo hiểm.

4. Được miễn kiểm tra thực tế khi giải quyết thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

5. Bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích chỉ được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản hoặc phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

6. Bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng ngoài công lập và bảo vật quốc gia thuộc sở hữu tư nhân được đưa ra nước ngoài theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Quyết định này khi có bảo tàng công lập đại diện cho chủ sở hữu trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài.

7. Đối tác nước ngoài tiếp nhận bảo vật quốc gia phải bảo đảm tính hợp pháp, có cơ sở vật chất, năng lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ phù hợp với việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài

1. Văn bản xác nhận đồng ý hoặc văn bản đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định sau:

a) Trường hợp đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quyết định này: Văn bản xác nhận đồng ý tham gia việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài của Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia;

b) Trường hợp đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Quyết định này: Văn bản đề nghị của Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 01).

2. Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (Mẫu số 02).

3. Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

4. Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài.

5. Bản thuyết minh nội dung trưng bày, giới thiệu bảo vật quốc gia đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản.

6. Văn bản thỏa thuận giữa bảo tàng ngoài công lập hoặc tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia với bảo tàng công lập là đại diện trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng ngoài công lập hoặc sở hữu tư nhân.

Điều 6. Trình tự, thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản thông báo mục đích, yêu cầu phối hợp thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm theo danh mục bảo vật quốc gia theo Mẫu số 02) đến Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia.

2. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia gửi văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đồng ý tham gia việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài; trường hợp không đồng ý cần nêu rõ lý do.

3. Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận đồng ý, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm

cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này).

4. Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự sau:

a) Ký kết hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản;

b) Yêu cầu đối tác nước ngoài hoàn thành việc mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia theo hợp đồng đã được ký kết;

c) Thực hiện các thủ tục giao nhận, tạm xuất, tái nhập và các thủ tục cần thiết khác để đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định;

d) Tổ chức đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài;

đ) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản bảo vật quốc gia ở nước ngoài, tổ chức đưa bảo vật quốc gia trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam;

e) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện ngay sau khi bảo vật quốc gia được đưa trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam; nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết với đối tác nước ngoài và tình trạng bảo vật quốc gia trong thời gian ở nước ngoài, tình trạng khi trở lại Việt Nam.

Điều 7. Trình tự, thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam

1. Đối với bảo tàng quốc gia:

a) Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương chủ quản của bảo tàng quốc gia gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ

và gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này); trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài, Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự quy định tại các điểm a, b, c, d và đ Khoản 4 Điều 6 Quyết định này.

d) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện theo quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 6 Quyết định này.

2. Đối với bảo tàng chuyên ngành:

a) Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

d) Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài, Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự quy định tại các điểm a, b, c, d và đ Khoản 4 Điều 6 Quyết định này.

đ) Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện theo quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 6 Quyết định này.

3. Đối với bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng ngoài công lập và tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

d) Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự quy định tại các điểm a, b, c, d và đ Khoản 4 Điều 6 Quyết định này.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện theo quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 6 Quyết định này.

Điều 8. Trình tự, thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc bảo quản

1. Trường hợp bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương quản lý:

a) Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương chủ quản di tích gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan, trong đó có ý kiến về việc đưa bảo vật quốc gia đang được lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích ra nước ngoài không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc

của di tích; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

d) Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự quy định tại các điểm a, b, c, d và đ Khoản 4 Điều 6 Quyết định này; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện theo quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 6 Quyết định này.

2. Trường hợp bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan, trong đó có ý kiến về việc đưa bảo vật quốc gia đang được lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích ra nước ngoài không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc của di tích; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự quy định tại các điểm a, b, c, d và đ Khoản 4 Điều 6 Quyết định này; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện theo quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 6 Quyết định này.

Điều 9. Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài

1. Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập.

2. Thành phần Hội đồng gồm: đại diện Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng thời là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Lãnh đạo Bộ Tài chính; đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các chuyên gia thuộc ngành, chuyên ngành liên quan tới bảo vật quốc gia được đưa đi nước ngoài.

3. Kết luận của Hội đồng là cơ sở để Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định mức mua bảo hiểm đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài.

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp thực hiện

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam an toàn, đúng quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện trình tự, thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

c) Chủ trì hoặc phối hợp với các Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia và tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia thực hiện trình tự, thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

2. Bộ Ngoại giao:

a) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

b) Xác định tính hợp pháp, cơ sở vật chất, năng lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ của đối tác nước ngoài tiếp nhận bảo vật quốc gia theo đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Phối hợp giải quyết thủ tục, đàm phán nội dung hợp tác quốc tế liên quan đến việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

3. Bộ Công an:

a) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

b) Chủ trì phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn đối với bảo vật quốc gia trong quá trình vận chuyển ra nước ngoài, lưu giữ tạm thời tại nước ngoài và đưa trở lại Việt Nam.

4. Bộ Tài chính:

Tham gia Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài.

5. Bộ Xây dựng:

Phối hợp thẩm tra, xác định việc đưa bảo vật quốc gia đang được lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích ra nước ngoài không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc của di tích theo đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Các Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện trình tự, thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

c) Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia, tổ chức và cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2016.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam (Bộ Ngoại giao);
- Cục Di sản văn hóa (Bộ VH-TT-DL);
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

**MỘT SỐ MẪU QUY ĐỊNH VIỆC ĐƯA BẢO VẬT QUỐC GIA
RA NƯỚC NGOÀI CÓ THỜI HẠN ĐỀ TRƯNG BÀY, TRIỂN LÃM,
NGHIÊN CỨU HOẶC BẢO QUẢN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2016/QĐ-TTg
ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

Mẫu số 01: Công văn về việc đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

Mẫu số 02: Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị đưa bảo vật quốc gia
ra nước ngoài

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quy trình, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép ...¹ mang (số lượng, theo Danh mục...) bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

2. Mục đích:

(Nêu rõ mục đích đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để: trưng bày, triển lãm; nghiên cứu hoặc bảo quản.)

3. Nội dung/Kết quả dự kiến:

(- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm: Nêu rõ mục đích, nội dung trưng bày, triển lãm;

- Đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản: Nêu rõ mục đích/lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến.)

4. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận) bảo vật quốc gia tại nước ngoài:

- Tên tổ chức/cá nhân:

- Người đứng đại diện theo pháp luật:

- Địa chỉ:

- Quốc gia:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

5. Thời gian đưa bảo vật quốc gia đi... (tên nước đưa bảo vật quốc gia đi):

- Thời gian trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài:

- Thời gian đưa đi:

- Thời gian về đến Việt Nam:

¹ Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Cam kết đưa bảo vật quốc gia về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu, hoặc bảo quản:

Tài liệu kèm theo:

.....;
.....

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên,
chức vụ người ký)*

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

**DANH MỤC BẢO VẬT QUỐC GIA
ĐƯA RA NƯỚC NGOÀI ĐỂ ...²**

STT	Tên bảo vật quốc gia ³	Chất liệu chính	Số lượng	Nguồn gốc	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê	Hình ảnh	Số và ngày QĐ BVQG
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
....									

Tổng số bảo vật quốc gia: ... (Bằng chữ: ...)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

¹ Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

² Ghi rõ để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

³ Ghi chính xác tên bảo vật quốc gia theo Quyết định công nhận.